

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**THÀNH PHỐ CẦN THƠ** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 153/2020/DS-PT

Ngày 17/12/2020.

V/v: “ Tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

*Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Hải**

- Các thẩm phán: Bà **Trương Thị Liên**,

Ông **Thiêm Quốc Khanh**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Ngọc Huyền** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:*  
 Bà **Huỳnh Hồng Phil** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16/12/2020 đến ngày 17/12/2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 151/2020/TLPT-DS ngày 15/10/2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 265/2020/QĐ- PT ngày 18/11/2020, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ông **Nguyễn Văn N.**, sinh năm: 1949.(có mặt).

Địa chỉ: 242 Khu vực T.T.Đ, phường T.L., quận O., thành phố Cần Thơ.

**Bị đơn:** Ông **Lâm Văn M.**, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: 15 Đinh Tiên Hoàng, phường Thới Bình, quận N.K., thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phạm Khắc P.**, sinh năm: 1971 (có mặt) (Văn bản ủy quyền ngày 09/01/2020).

Địa chỉ: 15/7 đường Lê Hồng Phong, khu vực 2, phường Trà Nóc, quận B.T., thành phố Cần Thơ.

**Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Ông **Trần H.T.**, sinh năm: 1967.

Địa chỉ: Khu vực T.T.Đ, phường T.L., quận O., thành phố Cần Thơ. Đại diện ủy quyền bà **Lê K.N.**, sinh năm: 1982. (Văn bản ủy quyền ngày 05/02/2020). (có mặt)

Địa chỉ: 95/29/1 M., phường X., quận N.K., thành phố Cần Thơ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn ông Nguyễn Văn N. trình bày:* Ông và ông Trần H.T. có thỏa thuận miệng hùn vốn làm ăn chung là nuôi cá. Trong quá trình nuôi thì ông H.T. và ông có nợ tiền thức ăn của ông Lâm Văn M.. Ngày 19/7/2010 các bên có làm:

“ *Tờ cam kết* ” là ông Lâm Văn M. đứng ra bán cá và giữ tiền này, tiền lãi là 1%/tháng. Ông M. bán cá được 1.624.293.000 đồng nhưng không hoàn lại số tiền cho Ông N. sau khi trả tiền thức ăn cá là 230.000.000 đồng. Ông N. có ứng tiền 03 đợt là 133.000.000 đồng. Nay, Ông N. kiện yêu cầu Ông M. phải trả số tiền 1.261.930.000 đồng cho ông và tính lãi suất 1% /tháng đối với số tiền này từ ngày 21/10/2010 đến ngày giải quyết xong vụ kiện.

*Bị đơn ông Lâm Văn M. có đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Khắc P. trình bày:* Ông Lâm Văn M. là chủ cơ sở bán thức ăn. Ông có bán thức ăn cho ông Trần H.T. còn việc Ông N. hùn hạp với ông H.T. như thế nào thì ông không biết. Tuy nhiên, trong quá trình nuôi cá do thiếu vốn nên ông H.T. có nợ tiền thức ăn của Ông M., để thu hồi tiền nợ thì Ông M. yêu cầu ông H.T. giao hàm cá cho Ông M. bán, số tiền bán cá sau khi trừ tiền thức ăn sẽ hoàn trả lại cho ông H.T.. Do việc sợ Ông N. đứng ra ngăn cản việc Ông M. bán cá nên Ông M. làm tờ cam kết ngày 19/7/2010 với nội dung ông H.T. và cả Ông N. hứa sau khi bán cá xong sẽ trừ tiền nợ thức ăn và đợi khi ông H.T. và Ông N. quyết toán sổ sách xong sẽ hoàn trả lại số tiền còn lại. Ông M. đồng ý trả lãi 1% trong thời gian ông giữ số tiền này.

Sau đó, Ông M. đã trả đủ cho ông H.T. và Ông N. số tiền 1.197.807.000 đồng sau khi trừ số tiền nợ 462.486.000 đồng, trong đó giao cho Ông N. 133.000.000 đồng. Số tiền còn lại do ông H.T. nhận 1.064.807.000 đồng. Việc Ông M. cam kết trả số tiền thì Ông M. đã thực hiện xong. Trong cam kết, Ông M. không nói cụ thể là trả cho Ông N.. Do đó, việc Ông N. kiện Ông M. thì Ông M. không đồng ý. Ông M. trả cho ông H.T. vì ông H.T. chỉ giao dịch mua bán với nhau, không có bán thức ăn cho Ông N..

Đồng thời tại biên bản giải quyết số tiền bán cá ngày 30/10/2010 có mặt tại địa phương và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quận O., có mặt ba ông: Ông N., ông H.T. và Ông M. thì Ông N. cũng thống nhất nội dung biên bản ghi nhận, ông Lâm Văn M. không còn nợ Ông N. và ông H.T.. Do đó, việc Ông N. kiện Ông M. là không có cơ sở. Ông N. cũng thừa nhận chữ ký của ông đã thống nhất nội dung biên bản này theo biên bản đối chất ngày 02/5/2013 lập tại Tòa án nhân dân quận O. khi giải quyết vụ án giữa Ông N. và ông H.T..

Do đó, nếu khởi kiện đòi tiền thì Ông N. khởi kiện ông H.T. để giải quyết tiền hùn hạp giữa hai ông. Còn tiền bán cá Ông M. đã giao đủ cho ông H.T.. Ông M. không còn giữ số tiền nào liên quan đến hàm cá của Ông N. và ông H.T. nên không có nghĩa vụ trả. Bên cạnh đó, Ông N. cũng xác nhận đã nhận đầy đủ số tiền thức ăn mua của Ông M. tại bản án số 151/2017/DSPT ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết tranh chấp hợp đồng góp vốn và hợp đồng vay tài sản giữa Ông N. và ông H.T. xong, bản án đã có hiệu lực thi hành.

*Người có quyền và nghĩa vụ liên quan: Ông Trần H.T. có đại diện theo ủy quyền bà Lê K.N. trình bày:* Ông H.T. thống nhất có hùn vốn với Ông N., ông H.T. thừa nhận có nhận từ Ông M. số tiền 1.064.807.000 đồng cho ông H.T.. Ông N. có nhận 133.000.000 đồng. Sau khi trừ tiền nợ thức ăn là

462.486.000 đồng như đại diện bị đơn trình bày. Ông H.T., Ông N. đã quyết toán xong sổ sách với nhau.

Nay, Ông N. khởi kiện yêu cầu Ông M. trả tiền là không có cơ sở.

Do không thương lượng được cách giải quyết nên vụ kiện được đưa ra xét xử.

Tại bản án số 27/2020/DSST ngày 12/6/2020 của Tòa án nhân dân quận N.K. đã tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N. về việc yêu cầu bị đơn ông Lâm Văn M. phải giao tổng số tiền vốn là 1.261.293.000 đồng và tiền lãi 12.613.000.000 vì chưa đủ cơ sở.

Nguyên đơn được miễn tiền án phí dân sự do là người cao tuổi.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án của Tòa án nhân dân quận N.K. đã tuyên xử ngày 23/6/2020 ông Nguyễn Văn N. kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Yêu cầu ông Lâm Văn M. phải có nghĩa vụ trả cho ông số tiền vốn là 1.261.293.000 đồng và tiền lãi là: 12.613.000.000 đồng.

Phía bị đơn có ông Phạm Khắc P. đại diện trình bày: Căn cứ theo biên bản đối chiếu ngày 30/10/2010 hai ông Nguyễn Văn N. và ông Trần H.T. xác nhận ở biên bản là ông Lâm Văn M. không còn nợ. Biên bản đối chất năm 2013 ở Tòa án nhân dân quận O. cũng nói là Ông M. không còn nợ hai ông. Bản án dân sự phúc thẩm số 151/2017/DSPT ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ có hiệu lực cũng nói là Ông M. không còn nợ. Căn cứ vào ba tình tiết nêu trên nên xác định Ông M. không có nợ Ông N.. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của Ông N. và giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận N.K..

Chị Lê K.N. đại diện ủy quyền của ông Trần H.T. trình bày: Yêu cầu của Ông N. là không có cơ sở. Lúc bán cá xong thì tiền Ông M. đã trả cho Ông N. và ông H.T.. Ông M. thực hiện đúng cam kết. Ông M. đã cần trừ xong công nợ tiền thức ăn cá. Các bên đã thanh toán xong căn cứ theo biên bản lập vào ngày 30/10/2010. Do đó, đề Hội đồng xét xử bác yêu cầu của Ông N..

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ kiện, thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung của vụ kiện: Ông N. kiện đòi Ông M. phải có nghĩa vụ trả số tiền gốc là 1.261.930.000 đồng và tiền lãi là: 12.613.000.000 đồng yêu cầu này là không có cơ sở vì: Căn cứ vào biên bản ngày 30/10/2010, biên bản đối chất năm 2013 của Tòa án nhân dân quận O. thì Ông N. thừa nhận đã nhận tiền bán cá từ Ông M., Ông M. không còn giữ số tiền 1.624.293.000 đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của Ông N..

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu đòi lại số tiền mà bị đơn đang giữ nên xác định vụ kiện: “ *Tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản* ” theo quy định tại Khoản 3, Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn cư ngụ tại quận N.K., thành phố Cần Thơ nên Tòa án nhân dân quận N.K. thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn N., ông kháng cáo trong hạn luật định, do ông là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Việc ủy quyền của bị đơn và người có quyền và nghĩa vụ liên quan đúng theo định, có công chứng, chứng thực. Việc ủy quyền cả giai đoạn sơ thẩm và phúc thẩm là hợp lệ.

[3] Xét đơn khởi kiện và kháng cáo của ông Nguyễn Văn N., Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ theo: “*Tờ Cam kết*” ngày 19/7/2010 thì thể hiện ông Lâm Văn M. có bán thức ăn cá cho Ông N. và ông H.T. số tiền là 230.000.000 đồng nên khi bán cá thì Ông M. đứng ra ký hợp đồng bán và nhận tiền bán cá, tiền bán được bao nhiêu thì Ông M. trừ ra tiền thức ăn cá là 230.000.000 đồng. Phần tiền còn lại Ông M. giữ nhưng trả lãi cho hai ông là Ông N. và ông H.T. mỗi tháng 1% trên tổng số tiền đã giữ.

Tuy nhiên, đến ngày 02/9/2010 thì bán cá và đến ngày 02/10/2010 thì nhận tiền bán cá. Ngày 30/10/2010 thì các bên có biên bản về việc thanh toán tiền hùn nuôi cá. Tại biên bản này có nói rõ số tiền bán ao cá là 1.625.000.000 đồng có ghi số tiền của từng khoản và đoạn gần cuối của biên bản có ghi: “ *còn phần của ông Lâm Văn M. không còn nợ gốc của hai đ/s (có thể hiểu là hai đương sự) Ông N. + 9 Trung* ”. Biên bản này có Ông N., ông H.T. và những người làm chứng cùng ký tên. Chính Ông N. cũng thừa nhận có ký tên trong biên bản này nên yêu cầu của Ne đòi Ông M. giao số tiền 1.261.930.000 và tiền lãi 12.613.000.000 đồng là không có cơ sở.

Hơn nữa, tại biên bản đối chất tại Tòa án nhân dân quận O. ngày 02/5/2013, có Ông N. và ông H.T. thì hai ông cũng thừa nhận Ông M. đã giao số tiền bán cá cho hai ông sau khi cản trừ tiền bán thức ăn cá. Cũng cần lưu ý trong trường hợp này là mặc dù nguyên đơn, bị đơn có “ *Tờ cam kết* ” nhưng tờ cam kết này diễn ra trước ngày các bên có biên bản thanh toán nên tờ cam kết này không còn giá trị. Do đó, Tòa án nhân dân quận N.K. tuyên xử bác yêu cầu khởi kiện của Ông N. là có cơ sở.

[4] Lời trình bày của Vị đại diện Viện kiểm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Do Ông N. là người cao tuổi nên miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho ông.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 91, Điều 93, Khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Điều 554, Điều 560 Bộ luật Dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn N..

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2020/DSST ngày 12/6/2020 của Tòa án nhân dân quận N.K., thành phố Cần Thơ.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N. về việc yêu cầu bị đơn ông Lâm Văn M. phải giao trả tổng số tiền vốn là 1.261.293.000 đồng (*Một tỷ hai trăm sáu mươi một triệu, hai trăm chín mươi ba triệu đồng*) và tiền lãi là 12.613.000.000 đồng (*Mười hai tỷ, sáu trăm mười ba triệu đồng*) vì chưa đủ cơ sở.

Ông Nguyễn Văn N. được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

Bản án này là phúc thẩm có hiệu lực thi hành ngay.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”/.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- Tòa án Q.N.K.;
- THA.DS. Q.N.K.;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Văn Hải**